

Bản án: 31/2024/DS- ST
Ngày 28 / 9 / 2024
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Toàn;

Các Hội thẩm nhân dân :

- Ông Nguyễn Ngọc Ngát;
- Bà Hoàng Thị Chung;

- Thư ký phiên tòa: Bà Sầm Thị Thao – Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Động.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa: Ông Vương Văn Phong - Kiểm sát viên;

Trong các ngày 10 và 28 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2024/TLST- DS, ngày 27/02/2024 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và tháo dỡ di dời tài sản trên đất”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXX – ST, ngày 22 tháng 8 năm 2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 10/2024/QĐST – DS, ngày 10 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nông Đình L, sinh năm 1967; có mặt
Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Ông Nông Đức N, sinh năm 1971; có mặt
Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Dương Thị N1, sinh năm 1973; có mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

- Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1972; vắng mặt
- Anh Nông Trung C, sinh năm 1997; vắng mặt
- Chị Dương Thị U, sinh năm 1998; vắng mặt
- Chị Nông Thị T, sinh năm 1994; vắng mặt
- Anh Nông Đức H, sinh năm 2003; có mặt

Cùng trú tại: Thôn C, xã C, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

7. Chị Nông Thị Lan A, sinh năm 1998; có mặt
Địa chỉ: Phố B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

8. UBND huyện S; do ông Ngọc Đức V – Chức vụ: Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và môi trường huyện S là người đại diện theo ủy quyền; có đơn đề nghị xử vắng mặt.

(Bà Y, anh C, chị U, chị T đã ủy quyền cho ông L là người đại diện tham gia tố tụng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, những lời khai tiếp theo có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nông Đình L trình bày:

Năm 2007, gia đình ông có mua chuyển nhượng 01 thửa đất của ông Bùi Văn T1; Ngày 10/01/2011 gia đình ông được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ193969, diện tích 100m², thửa đất số 07, không có số tờ bản đồ, mục đích sử dụng là đất ở lâu dài, thuộc Thôn Thượng, xã C, huyện S, tỉnh Bắc Giang, cấp cho ông Nông Đình L.

Thời gian xảy ra tranh chấp: Tháng 02/2023 khi gia đình ông chuẩn bị xây nhà cho con trai, khi đo đất thấy đất bị thiếu 9,15m² so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; nguyên nhân do gia đình ông N xây nhà đã xây lấn chiếm sang phần đất của gia đình ông, gia đình ông cũng có báo với Văn phòng đăng ký đất đai và địa chính xã đến đo đạc, sau đó UBND xã đã tiến hành hòa giải xác định diện tích đất bị thiếu là do gia đình ông N xây nhà đã lấn chiếm, nhưng gia đình ông N không nhất trí trả. Quá trình xây dựng nhà gia đình ông N không báo gia đình ông đến xác nhận ranh giới; toàn bộ diện tích đất gia đình ông N lấn chiếm thì gia đình ông N đã xây tường bao, lan can và làm một phần nhà bán mái tôn cột sắt trên đất.

Nay ông yêu cầu gia đình ông Nông Đức N phải trả lại phần đất đã lấn chiếm 9,15m² và tháo dỡ, di dời công trình xây dựng trên đất. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

[2] Bị đơn ông Nông Đức N xác nhận một phần lời khai của bên nguyên đơn tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa ông trình bày:

Năm 2015, vợ chồng ông có mua chuyển nhượng 01 thửa đất ở của ông Nguyễn Văn T2 đã được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi mua đến ngày 05/8/2015 gia đình ông đã được UBND huyện S cấp chuyển đổi sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY933848, diện tích 100m², thửa đất số 06, không có số tờ bản đồ, mục đích sử dụng là đất ở lâu dài, thuộc Thôn Thượng, xã C, huyện S, tỉnh Bắc Giang, cấp cho ông Nông Đức N.

Nguyên nhân tranh chấp: Thời gian xảy ra tranh chấp khoảng giữa năm 2023, gia đình ông L kiểm tra đất thấy thiếu thì cho rằng gia đình ông xây nhà lấn chiếm vào một phần đất của gia đình ông L. Trên phần đất tranh chấp gia

đình ông đã xây dựng nhà cột sắt bán mái tôn một phần và tường bao, gia đình đã quản lý, sử dụng ổn định từ năm 2015 cho đến khi xảy ra tranh chấp không có vướng mắc gì.

Nguyên đơn ông L khởi kiện cho rằng gia đình ông đã lấn chiếm 9,15m² là không có căn cứ. Gia đình ông đã quản lý, sử dụng thửa đất đúng diện tích của gia đình đã được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quá trình xây dựng nhà và làm tường bao gia đình có báo Ủy ban xã C, khi đó có ông Ngô Văn B là Cán bộ địa chính xã C đến xác định vị trí đất để gia đình ông tiến hành xây dựng làm nhà; do nhiều hộ gia đình mua đất nhưng chưa xây dựng nên quá trình ông làm nhà những gia đình có đất liền kề ông không biết là của ai và khi xây dựng cũng không thấy ai có ý kiến gì. Do đó, gia đình ông không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nông Đình L về việc trả lại diện tích 9,15m² và tháo dỡ, di dời công trình đã làm trên đất; ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

[3] Lời trình bày của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Y, anh Nông Trung C, chị Dương Thị U, chị Nông Thị T (Là vợ, con ông L nguyên đơn): Trình bày về nguồn gốc đất, ý kiến quan điểm đưa ra như ông L trình bày.

- Bà Dương Thị N1, anh Nông Đức H, chị Nông Thị Lan A (Là vợ, con ông N bị đơn): Trình bày về nguồn gốc đất, ý kiến quan điểm đưa ra như ông Nông Đức N trình bày.

- Quan điểm của UBND huyện S trả lời tại Công văn số 401/UBND-NC ngày 25/9/2024 như sau:

Nguồn gốc thửa đất của gia đình ông Nông Đình L và gia đình ông Nông Đức N là đất quy hoạch được bán phân lô năm 2005 của UBND xã C; thửa đất của gia đình ông L và gia đình ông N là mua lại của người khác, cụ thể:

Năm 2007 gia đình ông L có mua chuyển nhượng 01 thửa đất của ông Bùi Văn T1. Ngày 10/01/2011 gia đình ông L đã được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ193969, diện tích 100m², thửa đất số 07, không có số tờ bản đồ, mục đích sử dụng là đất ở lâu dài, thuộc Thôn Thượng, xã C, huyện S, tỉnh Bắc Giang, cấp cho ông Nông Đình L.

Về hồ sơ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ liên quan đến ông Nông Đình L gồm có: Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Biên bản kiểm tra thẩm định hồ sơ số 12; Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành BĐ 193969; Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất; Tờ khai thuế thu nhập cá nhân; Tờ khai lệ phí trước bạ nhà, đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành BC 132162; Biên lai thu lệ phí trước bạ; Biên lai thuế thu nhập cá nhân.

Năm 2015, gia đình ông N có mua chuyển nhượng 01 thửa đất ở của ông Nguyễn Văn T2 được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 05/8/2015, gia đình ông N đã chuyển đổi sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY933848, diện tích 100m², thửa đất số 06, không có số tờ bản đồ, mục đích sử dụng là đất ở lâu dài, thuộc Thôn Thượng, xã C, huyện S, tỉnh Bắc Giang, cấp cho ông Nông Đức N.

Về hồ sơ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ liên quan đến ông Nông Đức N gồm có: Quyết định số 795/QĐ-UBND ngày 05/8/2015 về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Tờ trình số 655/TTr-TNMT ngày 03/8/2015 về việc đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Phiếu thẩm tra hồ sơ ngày 23/7/2015; Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính; Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Biên bản kiểm tra thẩm định hồ sơ; 01 phô tô chứng minh nhân dân Nông Thị V1; 01 phô tô chứng minh nhân dân Nông Đức N; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành BX 305308; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành BY 933848; Biên lai thu nhập cá nhân; Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất.

Về trình tự, thủ tục lập hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Nông Đình L và gia đình ông Nông Đức N là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

UBND huyện đề nghị Tòa án căn cứ vào Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bản đồ quản lý đất đai, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài liệu chứng cứ các bên xuất trình và do Tòa án thu thập để xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[4] Kết quả xem xét, thẩm định và định giá tài sản:

Kết quả xem xét, thẩm định: Diện tích đất tranh chấp là 9,15m², trên đất gia đình ông N đã xây tường bao, mái ngói, lan can, nhà cột sắt lợp mái tôn. Đối chiếu với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bản đồ quản lý đất đai xã C xác định toàn bộ diện tích đất tranh chấp là 9,15m² nằm trong thửa đất số 07 gia đình ông L đã được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Kết quả định giá tài sản: Về đất giá = 18.000.000đ/m²; tài sản trên đất là công trình xây dựng không định giá được.

[5] Phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 138, 164, 166, 175, 185, 357, 468 của Bộ luật Dân sự. Khoản 1 Điều 35, Điều 91, 147, 157, 165, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 47, 48, 52 của Luật Đất đai năm 2003. Khoản 2 Điều 5; điểm b, h khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 10; Điều 59, 100; khoản 2, 3 Điều 105; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nông Đình L.

Buộc bị đơn ông Nông Đức N; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị N1, anh Nông Đức H, chị Nông Thị Lan A phải trả cho gia đình ông Nông Đình L quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp 9,15m², thuộc thửa đất số 07, không có số tờ bản đồ, thuộc Thôn Thượng, xã C, huyện S, tỉnh Bắc Giang, ông Nông Đình L đã được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; gồm các điểm 4, 5, 14, 15. (Có sơ đồ đo vẽ, bản kê độ dài các cạnh và tọa độ kèm theo).

Về tài sản trên đất: Buộc bị đơn ông Nông Đức N, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị N1, anh Nông Đức H, chị Nông Thị Lan A phải tháo dỡ, di dời toàn bộ phần nhà cột sắt mái tôn, mái ngói, tường bao, lan can nằm trên diện tích đất 9,15m² của gia đình ông L.

Về án phí: Bị đơn ông Nông Đức N là người dân tộc thiểu số thường xuyên sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ án phí DSST.

Về tiền chi phí tố tụng: Chi phí định giá và thẩm định, đo đạc hết số tiền là 6.128.000đ nên bị đơn ông Nông Đức N phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Ông Nông Đình L khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nông Đức N trả diện tích đất tranh chấp và tháo dỡ di dời tài sản trên đất, bị đơn không nhất trí trả và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và tháo dỡ di dời tài sản trên đất*” theo quy định tại khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án Chủ tịch UBND huyện S ủy quyền cho ông Ngọc Đức V là người đại diện tham gia tố tụng, văn bản ủy quyền số 2317/UBND-NC ngày 01/8/2024; Bà Nguyễn Thị Y, anh Nông Trung C, chị Dương Thị U, chị Nông Thị T đã ủy quyền cho ông Nông Đình L là người đại diện tham gia tố tụng. Các đương sự ủy quyền đúng theo quy định của pháp luật cần được chấp nhận theo Điều 138 của Bộ luật Dân sự.

Ông Ngọc Đức V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Nông Đức H có mặt tại phiên tòa ngày 10/9/2024 và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt phiên tòa ngày 28/9/2024; do đó, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ mà các bên đương sự cung cấp, ý kiến quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động về việc giải quyết vụ án, kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ cũng như kết quả xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định:

Năm 2007, gia đình ông Nông Đình L có mua chuyển nhượng 01 thửa đất của ông Bùi Văn T1. Ngày 10/01/2011 gia đình ông L đã được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ193969, diện tích 100m², thửa đất số 07, không có số tờ bản đồ, mục đích sử dụng là đất ở lâu dài, thuộc Thôn Thượng, xã C, huyện S, tỉnh Bắc Giang, cấp cho ông Nông Đình L.

Năm 2015, gia đình ông Nông Đức N có mua chuyển nhượng 01 thửa đất ở của ông Nguyễn Văn T2 đã được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 05/8/2015, gia đình ông N đã chuyển đổi sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY933848, diện tích 100m², thửa đất số 06, không có số tờ bản đồ, mục đích sử dụng là đất ở lâu dài, thuộc Thôn Thượng, xã C, huyện S, tỉnh Bắc Giang, cấp cho ông Nông Đức N.

Về trình tự thủ tục lập hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện S cho gia đình ông Nông Đình L và gia đình ông Nông Đức N thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Điều 47, 48, 52 của Luật Đất đai năm 2003; Điều 59 và 100 Luật Đất đai năm 2013.

Nguyên đơn ông Nông Đình L cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, biên bản đo đạc kiểm tra lại khu quy hoạch chi tiết hệ tọa độ VN 2000 cấp đất ở dân cư tại xã C năm 2007, biên bản hòa giải..

Bị đơn ông Nông Đức N cung cấp tài liệu, chứng cứ: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy xác nhận dân tộc.

Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nghĩa vụ chứng minh: *“Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án, tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp”*.

Thửa đất của gia đình ông L và gia đình ông N đều do mua đã được nhà nước phân lô và quản lý trên bản đồ đất đai xã C, quá trình sử dụng gia đình ông N đã tiến hành xây dựng nhà, khi xây dựng nhà gia đình ông N tự xác định vị trí đất của gia đình mình để xây dựng, không nhờ cơ quan chuyên môn của nhà nước có thẩm quyền và gia đình ông L có đất liền kề đến để xác định ranh giới thửa đất trước khi xây dựng nên đã xây dựng lấn sang phần đất của gia đình ông L theo kết quả thẩm định là 9,15m².

Bị đơn ông N cho rằng diện tích đất tranh chấp gia đình ông quản lý, sử dụng đúng diện tích của gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng theo kết quả xem xét thẩm định thì diện tích đất tranh chấp nằm trong thửa đất gia đình ông L đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chứ không nằm trong thửa đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông N. Quá trình xây dựng nhà và làm tường bao ông N cho rằng có báo Ủy ban xã C, khi đó có ông Ngô Văn B là Cán bộ địa chính xã C đến xác định vị trí đất để gia đình ông tiến hành xây dựng làm nhà. Quá trình xác minh UBND xã C cho biết khi gia đình ông N chuẩn bị xây nhà không đến UBND xã đề nghị và UBND xã cũng không cử cán bộ nào đến xác định vị trí đất cho gia đình ông N; ông Ngô Văn B cho rằng không được đến thực địa để xác định vị trí đất của gia đình ông N để gia đình ông N cắm móng xây nhà.

Từ những phân tích nêu trên thì nguyên đơn ông Nông Đình L đưa ra yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn ông Nông Đức N trả lại diện tích đất tranh chấp 9,15m² là có căn cứ chấp nhận; bị đơn ông Nông Đức N, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị N1, anh Nông Đức H, chị Nông Thị Lan A đưa ra lời phản biện và chứng cứ để bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nông Đình L; buộc bị đơn ông Nông Đức N, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị N1, anh Nông Đức H, chị Nông Thị Lan A phải trả cho gia đình ông Nông Đình L quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp 9,15m², thuộc thửa đất số 07, không có số tờ bản đồ, thuộc Thôn Thượng, xã C, huyện S, tỉnh Bắc Giang; gồm các điểm 4, 5, 14, 15. (Có sơ đồ đo vẽ, bản kê tọa độ kèm theo).

Về tài sản trên đất: Trên diện tích đất tranh chấp gia đình ông Nông Đức N đã làm tường bao, mái ngói, lan can, nhà cột sắt lợp mái tôn, nguyên đơn ông L yêu cầu tháo dỡ di dời. Xét tường bao, lan can và nhà cột sắt lợp mái tôn gia đình ông N xây dựng là thuộc trường hợp phải tháo dỡ di dời chứ không giao cho gia đình ông L quản lý, sử dụng được. Do đó, buộc bị đơn ông Nông Đức N, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị N1, anh Nông Đức H, chị Nông Thị Lan A phải tháo dỡ di dời toàn bộ phần nhà cột sắt mái tôn, mái ngói, tường bao, lan can nằm trên diện tích đất 9,15m² của gia đình ông L.

[4] *Về án phí và chi phí tố tụng:*

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông L được chấp nhận nên bị đơn ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nhưng ông N là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về chi phí tố tụng: Tiền đo đạc, thẩm định và định giá tài sản là 6.128.000đ. Số tiền này ông L đã ứng ra nộp chi phí; Do yêu cầu của bên nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn ông N phải chịu toàn bộ số tiền này; số tiền ông N nộp trả cho ông L.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Được thực hiện theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 138, 164, 166, 175, 185, 357, 468 của Bộ luật Dân sự. Khoản 1 Điều 35, Điều 91, 147, 157, 165, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 47, 48, 52 của Luật Đất đai năm 2003. Khoản 2 Điều 5; điểm b, h khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 10; Điều 59, Điều 100; khoản 2, 3 Điều 105, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTWQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nông Đình L.

Buộc bị đơn ông Nông Đức N; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị N1, anh Nông Đức H, chị Nông Thị Lan A phải trả cho gia đình ông Nông Đình L quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất chấp 9,15m², thuộc thửa đất số 07, không có số tờ bản đồ, thuộc Thôn Thượng, xã C, huyện S, tỉnh Bắc Giang, ông Nông Đình L đã được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; gồm các điểm 4, 5, 14, 15; độ dài các cạnh: 4-5 = 0,17m; 5-14 – 20m; 4-15=20m; 14-15 = 0,74m. (Có sơ đồ đo vẽ, bản kê độ tọa độ kèm theo).

Về tài sản trên đất: Buộc bị đơn ông Nông Đức N, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị N1, anh Nông Đức H, chị Nông Thị Lan A phải tháo dỡ di dời toàn bộ phần nhà cột sắt mái tôn, tường bao, mái ngói, lan can nằm trên diện tích đất tranh chấp 9,15m².

[2] Về án phí và chi phí tố tụng:

Về án phí: Bị đơn ông Nông Đức N được miễn toàn bộ án phí DSST.

Về tiền chi phí tố tụng: Ông Nông Đức n phải chịu là 6.128.000đ, số tiền 6.128.000đ ông Nông Đức N nộp trả cho ông Nông Đình L.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Được thực hiện theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Toàn